

UBND PHƯỜNG BÌNH TIÊN TRƯỜNG THCS PHẠM ĐÌNH HỔ ĐỀ CHÍNH THỨC (Đề có 04 trang)				KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI KỲ I NĂM HỌC 2025 – 2026 MÔN: TIẾNG TRUNG 9 Thời gian làm bài: 60 phút (Không kể thời gian phát đề)			
Họ và tên thí sinh: _____ Trường: _____ Lớp: _____ Phòng thi: _____ Số báo danh: _____				Chữ ký giám thị 1	Chữ ký giám thị 2	SỐ CỦA MỖI BÀI Từ 1 đến 30 do Giám thị ghi	SỐ PHÁCH do CT HĐ chấm thi ghi
Điểm bằng số		Điểm bằng chữ		Chữ ký giám khảo 1	Chữ ký giám khảo 2	SỐ PHÁCH do CT HĐ chấm thi ghi	SỐ CỦA MỖI BÀI Từ 1 đến 30 do Giám thị ghi
Điểm phần I	Điểm phần II	Điểm phần III	Điểm phần IV	Điểm phần V	Điểm phần VI	Điểm phần VII	Điểm tổng

I. 听力理解 : Nghe hiểu (1.0 分)

*** 听后判断正误 : Nghe phán đoán đúng sai (0,25 x 2 = 0,5 分)**

- 男孩进门后，随手关上了门，说明他做事小心仔细。 ()
- 所有人都把那本书捡起来放到桌子上。 ()

*** 听后选择填空 : Nghe xong chọn đáp án đúng (0,25 x 2 = 0,5 分)**

- 那位先生最喜欢的男孩在进办公室时先_____。
 A. 坐下 B. 脱去帽子 C. 打电话 D. 看报纸
- 那位先生认为最好的介绍信是_____。
 A. 一封朋友写的信 B. 个人的学历证明
 C. 工作经验的介绍 D. 日常行为中的小节

II. 选择正确答案 : Chọn đáp án đúng (0,25 x 12 = 3,0 分)

- 残废 : A . cǎnfèi B. cánfěi C. cánfèi D. cǎnfèi
- 诊断 : A . zhénduàn B. zhěnduàn C. zhènduàn D. zhěnduǎn
- yīzhuó : A. 衣着 B. 依着 C. 依桌 D. 一桌
- wàiwén : A. 怪问 B. 怀文 C. 微文 D. 外文
- 这个鱼做得很好，有点儿酸_____有点儿甜。
 A . 又 B. 和 C. 再 D. 更
- 大家听了他的一番牢骚 (láosāo: ca cǎm) 话，都十分_____。
 A . 满意 B. 不满 C. 惊讶 D. 惊叫
- 他请了一个有名的大夫来给他看病。 : 是什么意思 ?
 A . 阅读 B. 诊断 C. 看望 D. 观察
- 我们班的同学们都谈了自己的爱好。 : 是什么意思 ?
 A . 讨论 B. 坦白 C. 说话 D. 告诉

13. 以后我们_____更加努力工作。

- A. 一定应该 B. 应该一定 C. 一定要 D. 要一定

14. 我_____看过这个电影，_____看过很多次。

- A. 如果.....就..... B. 虽然.....但是..... C. 既.....又..... D. 不但.....而且.....



15.

- A. 音乐 B. 工艺 C. 乐器 D. 家具



16.

- A. 电脑 B. 网络 C. 电子 D. 软件

III. 阅读理解 : Đọc hiểu

* 按照短文内容判断 : (对“√”, 错“X”) Dựa vào nội dung đoạn văn phán đoán đúng sai (0,25 x 4 = 1,0 分)

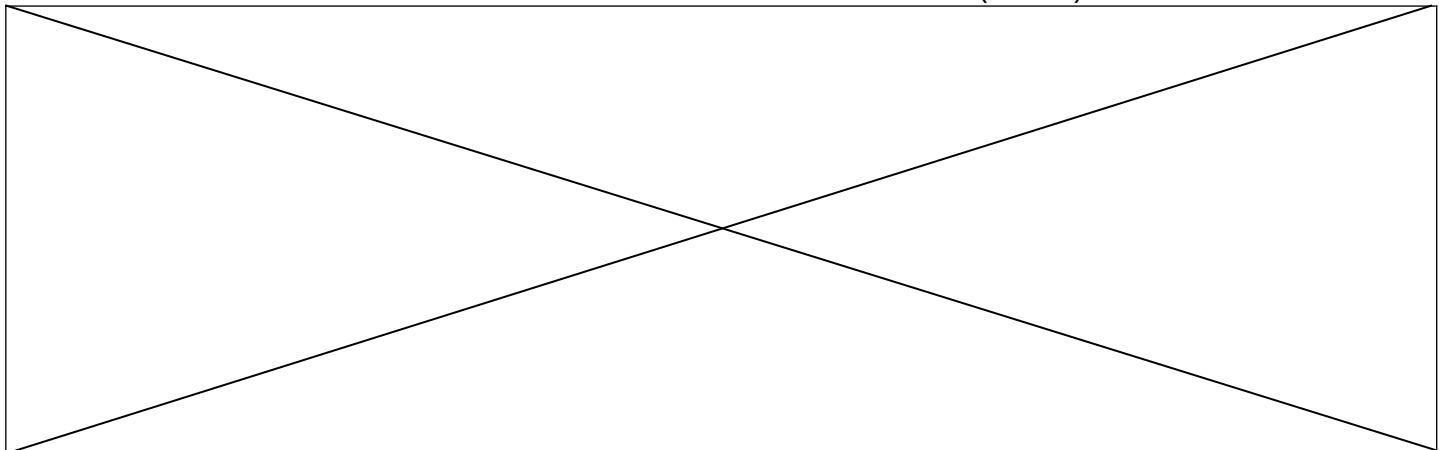
十月九日星期三晴

今天上课的时候，老师让我们谈谈自己的爱好。老师让我先说。我说我非常喜欢看京剧。老师感到很惊讶。她问：“你喜欢看京剧？”我说我非常喜欢。我知道，在中国，有不少青年不喜欢看京剧。我这个“老外”这么喜欢看京剧，老师当然感到很惊讶。

我们班的同学都谈了自己的爱好。维明说他喜欢玩电脑。他有一个笔记本电脑，他对汉字输入电脑很感兴趣，业余时间他常常练习用汉字写东西。兰芳喜欢音乐。她说下课以后听听音乐、跟朋友聊聊天，感到心情很愉快。明进同学说，他对书法很感兴趣。他现在跟一个老师练习书法。我也打算学唱京剧，想请一个老师叫我。我希望以后能参加演出。

17. 今天上课后，天气比较好没有下雨。 ()

18. 作者从来没演过京剧。 ()



19. 同学们全都喜欢京剧的中国人。 ()

20. 课文里只有维明的爱好不是艺术的。 ()

*按照上面短文的内容选择正确答案 : Dựa vào nội dung đoạn văn trên chọn đáp án chính xác (0,25 x 2 = 0,5 分)

21. 作者的爱好是什么 ?

- A. 京剧 B. 电脑 C. 书法 D. 音乐

22. 老师对作者的爱好觉得怎么样 ?

- A. 喜欢 B. 惊奇 C. 惊讶 D. 吃惊

IV . 选词填空 : Chọn từ điền vào chỗ trống (0,25 x 6 = 1,5 分)

一只小猴子在(23)玩。它向井里一望,吓(24)大叫起来:“糟了,月亮掉到井里去了!”。中猴子跑过来一看,也大叫起来:“月亮真的掉进去了!”

猴子跑过来,看了看井里的月亮也叫起来:“真的!月亮真的掉进井里了。”

猴子们都吓得乱喊乱叫起来,不知道怎么办才好,只有老猴子想(25)了一个好“办法”。它爬到井旁的大树上,倒挂(26),拉住大猴子的脚,大猴子拉住另一只猴子的脚,一只一只(27)接起来,向井中延伸下去,最后是小猴子。

小猴子伸手到水里去捞月亮,手一碰到水,月亮就不见了,又一捞,月亮还是看不见。 (28)猴子一抬头,看见月亮还好好儿地挂在天上呢。

23. A. 井旁 B. 井边 C. 井前 D. 井里

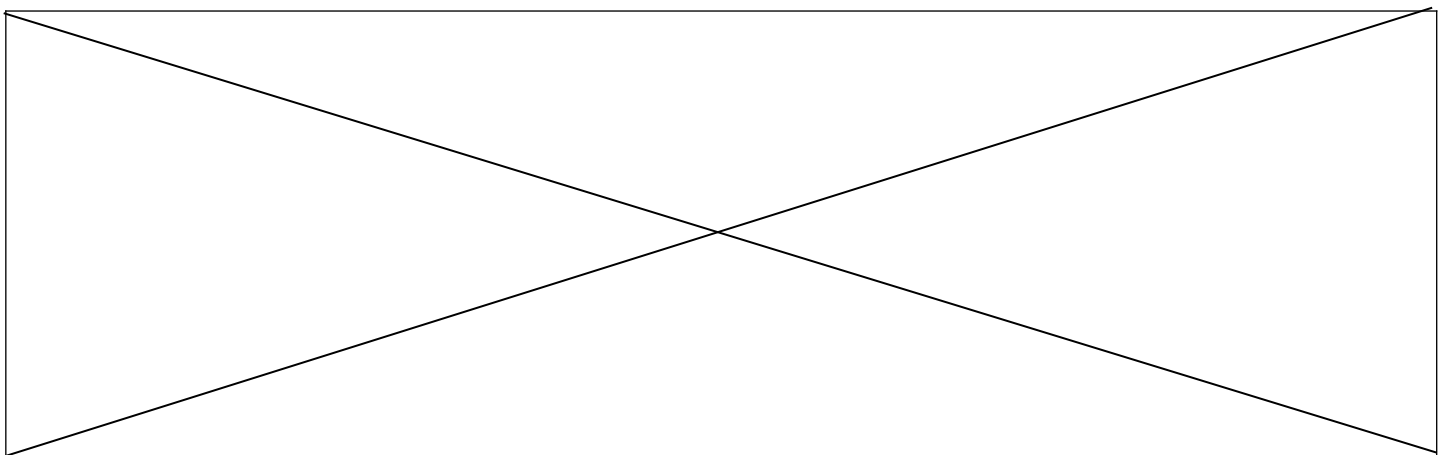
24. A. 的 B. 得 C. 地 D. 到

25. A. 过 B. 起 C. 到 D. 出

26. A. 起来 B. 上来 C. 下来 D. 下去

27. A. 连 B. 的 C. 得 D. 地

28. A. 忽然 B. 自然 C. 突然 D. 虽然



V . 填上适当词语 : Điền từ thích hợp (0,25 x 6 = 1,5 分)

29. 换了几套衣服,我老不_____。

30. 他在河内住了很长时间,现在_____也不想走了。

31. _____锻炼我的身体比以前好多了。

32. 这本书_____叫他拿走。

33. 我们只要一起想_____,这件事就能办好。

34. 我们学习方法_____有问题吗？

VI . 整理句子 : Sắp xếp từ thành câu (0,25 x 2 = 0,5 分)

35. 我 / 没 / 这次 / 像 / 上次 / 火车 / 坐 / 那样

36. 他 / 得 / 说 / 汉语 / 又 / 标准 / 既 / 有 / 感情

VII . 变换句子 : Viết lại câu theo yêu cầu trong ngoặc (0,25 x 4 = 1,0 分)

37. 今年我十五岁，他十二岁。 (“比”)

38. 学校的领导派那个青年教师出国学习去了。 (被动句)

39. 玛丽对世界文明历史很感兴趣。 (不是……吗？)

40. 你回来以前应该给家里打个电话或者写封信来。 (为什么不……呢？)

-----Hết-----

Thí sinh không sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm

**ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI KỲ I
NĂM HỌC: 2025 - 2026 – TRUNG 9**

I. 听后判断正误 : Nghe phán đoán đúng sai (0,25 x 2 = 0,5 分) (第八课)

1. 男孩进门后，随手关上了门，说明他做事小心仔细。 (√)

2. 所有人都把那本书捡起来放到桌子上。 (X)

***听后选择正确 : Nghe xong chọn đáp án đúng : (0,25 x 2 = 0,5 分)**

3. 那位先生最喜欢的男孩在进办公室时先_____。
A. 坐下 . 脱去帽子 C. 打电话 D. 看报纸

4. 那位先生认为最好的介绍信是_____。
A. 一封朋友写的信 B. 个人的学历证明
C. 工作经验的介绍 . 日常行为中的小节

II. 选择正确答案 : Chọn đáp án đúng (0,25 x 12 = 3,0 分)

5. 残废 : A . cǎnfèi B. cánfěi . cánfèi D. cānfèi

6. 诊断 : A . zhènduàn . zhěnduàn C. zhènduàn D. zhěnduǎn

7. yīzhuó : . 衣着 B. 依着 C. 依桌 D. 一桌

8. wàiwén : A. 怪问 B. 怀文 C. 微文 . 外文

9. 这个鱼做得很好，有点儿酸_____有点儿甜。
. 又 B. 和 C. 再 D. 更

10. 大家听了他的一番牢骚 (láosāo: ca càm) 话 , 都十分_____。
- A . 满意 . 不满 C. 惊讶 D. 惊叫
11. 他请了一个有名的大夫来给他看病。 : 是什么意思 ?
- A . 阅读 . 诊断 C. 看望 D. 观察
12. 我们班的同学们都谈了自己的爱好。 : 是什么意思 ?
- A . 讨论 . 坦白 C. 说话 D. 告诉
13. 以后我们_____更加努力工作。
- A. 一定应该 B. 应该一定 . 一定要 D. 要一定
14. 我_____看过这个电影 , _____看过很多次。
- A. 如果.....就..... B. 虽然.....但是..... C. 既.....又..... .不但.....而且.....



- 15.
- A. 音乐 B. 工艺 . 乐器 D. 家具



- 16.
- A. 电脑 B. 网络 C. 电子 . 软件

III . 按照短文内容判断 : (对“√” , 错“X”) Dựa vào nội dung đoạn văn phán đoán đúng sai (0,25 x 4 = 1,0 分)

17. 今天上课后 , 天气比较好没有下雨。 (X)
18. 作者从来没演过京剧。 (√)
19. 同学们全都喜欢京剧的中国人。 (X)
20. 课文里只有维明的爱好不是艺术的。 (√)

* 按照上面短文的内容选择正确答案 : Dựa vào nội dung đoạn văn trên chọn đáp án chính xác (0,25 x 2 = 0,5 分)

21. 作者的爱好是什么 ?
- . 京剧 B. 电脑 C. 书法 D. 音乐
22. 老师对作者的爱好觉得怎么样 ?
- A. 喜欢 B. 惊奇 . 惊讶 D. 吃惊

VI . 选词填空 : Chọn từ điền vào chỗ trống (0,25 x 6 = 1,5 分)

23. A. 井旁 . 井边 C. 井前 D. 井里
24. A. 的 . 得 C. 地 D. 到
25. A. 过 B. 起 C. 到 . 出

26. A.起来 B.上来 .下来 D.下去
 27. A.连 B.的 C.得 .地
 28. .忽然 B.自然 C.突然 D.虽然

V . 填上适当词语 : Điền từ thích hợp (0,25 x 6 = 1,5 分)

29. 换了几套衣服 , 我老不 满意 。
30. 他在河内住了很长时间 , 现在 一点儿 也不想走了。
31. 通过 锻炼我的身体比以前好多了。
32. 这本书 应该 叫他拿走。
33. 我们只要一起想 办法 , 这件事就能办好。
34. 我们学习方法 难道 有问题吗 ?

VI . 整理句子 : Sắp xếp từ thành câu (0,25 x 2 = 0,5 分)

35. 我 / 没 / 这次 / 像 / 上次 / 火车 / 坐 / 那样
我坐火车这次没像上次那样。

36. 他 / 得 / 说 / 汉语 / 又 / 标准 / 既 / 有 / 感情
他汉语说得既标准又有感情。

VII . 变换句子 : Viết lại câu theo yêu cầu trong ngoặc (0,25 x 4 = 1,0 分)

37. 今年我十五岁 , 他十二岁。 (“比”)
今年我比他大三岁。 / 今年他比我小三岁。

38. 学校的领导派那个青年教师出国学习去了。 (被动句)
那个青年教师被学校领导派出国学习去了。

39. 玛丽对世界文明历史很感兴趣。 (不是.....吗 ?)
玛丽对世界文明历史不是很感兴趣吗 ?

40. 你回来以前应该给家里打个电话或者写封信来。 (为什么不.....呢 ?)
你回来以前为什么不给家里打个电话或者写封信来呢 ?

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI KỲ I
NĂM HỌC: 2025-2026 – KHỐI 9

Nội dung kiến thức	Cấp độ nhận biết		Cấp độ thông hiểu		Cấp độ vận dụng				Tổng
					Cấp độ thấp		Cấp độ cao		
	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
I- Listen to the recording and do as directed : 听力 (2 句对/错和 2 句填空) (1pt)	2		2						Số câu : 4 (1 đ)
II- Choose the best option (A,B,C or D) to complete each sentence : 选择正确答案 (3 pts) 2 prepositions, 2 word meaning, 2 functional language, 1 verb tense, 1 verb form, 1 word form, 1 conjunction, 2 pictures (or signs)	4	0	3		4		1		Số câu : 12 (3 đ)
III- Read the passage and decide if the statements are True or false. Choose the correct answers for the last 2 questions : 阅读理解 (1,5 pts)	2		2		1		1		Số câu: 6 (1,5 đ)
IV- Read the passage and choose A, B, C or D : 读后选择填空(1,5 pts)	2		2		1		1		Số câu : 6 (1,5 đ)
V- Use the correct form of words in the parentheses : 填上适当词语 (1,5 pts)		2		2		1		1	Số câu: 6 (1,5 đ)
VI- Rearrangement : 重组句子 (0,5 pt)		1				1			Số câu: 2 (0,5đ)
VII- Transformations : 改写句子		1		1		1		1	Số câu: 4

(2 pts)									(1đ)
Tổng số câu: 40 Tổng số điểm: 10 Tỷ lệ: 100%	10	4	9	3	6	3	3	2	Số câu :40 Số điểm 10 100 %

Bình Tiên, Ngày 25 tháng 11 năm 2025

Ban giám hiệu

TTCM

Người ra đề

Nguyễn Thu Thảo

Lê Diệp Trương Khanh

La Thị Bích Huệ